



CÔNG TY CP TM VÀ DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :02/2024/NQ-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 29 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
(VIMEXCO GAS)

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 54/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty CP TM&DV Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 23/04/2022;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số: 02/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/11/2024 của Công ty CP TM&DV Dầu khí Vũng Tàu.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua tờ trình về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, Sửa đổi Điều lệ Công ty

1. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG); Kinh doanh xăng dầu	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG)	4661

2. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2	Cho thuê xe có động cơ	7710
3	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
4	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

3. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đăng ký	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810



2	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm	1079
3	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến hải sản xuất khẩu; (Doanh nghiệp không được chế biến trong khu dân cư, chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	1020
4	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Chế biến nông sản xuất khẩu;	1061
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ thực phẩm; Kinh doanh nguyên vật liệu phục vụ ngành in; Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đo lường và kiểm tra chất lượng các thiết bị dầu khí và chiết nạp gas;	4669
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật và cung ứng vật tư hóa phẩm, thiết bị phụ tùng, thực phẩm và vật dụng khác cho các công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác chế biến dầu khí;	5229
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ xây dựng; Kinh doanh đồ điện gia dụng; Kinh doanh phương tiện vận tải;	4659
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Kinh doanh sắt thép, ống thép, thép phôi, sắt thép xây dựng;	4662
9	Phá dỡ	4311
10	Chuẩn bị mặt bằng	4312
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12	Khai thác gỗ Chi tiết: Chế biến lâm sản xuất khẩu;	0220
13	Xây dựng nhà để ở	4101
14	Xây dựng nhà không để ở	4102
15	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4212
16	Xây dựng công trình công ích khác	4229

4. Sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 4: “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” của Điều lệ Công ty (toàn văn dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm).

Điều 2 : Thông qua tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với bà Lương Thị Ngọc Bích
- Bầu bổ sung 01 thành viên BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026



Điều 3 : Thông qua tờ trình về việc kế hoạch kinh doanh năm 2025.

- Sản lượng: 17.500 tấn
- Lợi nhuận: tối thiểu 5% vốn điều lệ (tương đương 4,8 tỷ đồng)

Điều 4 : Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

Ông Nguyễn Hoàng Nam được bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 5 : Điều khoản thi hành

Nghị Quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu – VMG có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị Quyết này.

**CHỦ TỌA**
Lê Hữu Chí





CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

.....***.....
Số: 02/2024/BB-ĐHĐCD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....***.....
Tp. HCM, Ngày 29 tháng 11 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 45 phút ngày 29/11/2024 tại Tầng 7, Toà nhà Pacific Petro, 677A Lê Văn Việt, phường Tân Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu (“Công ty”) (Mã số doanh nghiệp: 3500755050; Trụ sở: 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) đã tiến hành tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 (“Đại hội”).

PHẦN 1: TUYÊN BỐ LÝ DO, THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP CỦA ĐẠI HỘI:

1. Thành phần tham dự:

- Đại diện Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu gồm có: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.
- Cùng Cổ đông và đại diện cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu theo danh sách chốt ngày 23/10/2024.

2. Tính hợp pháp của Đại hội:

Ông Đặng Trần Hồng Quân - Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty là 9.600.000 cổ phần.
- Tính đến 08 giờ 45 phút ngày 29/11/2024 có 11 cổ đông cổ đông tham dự. Tổng số cổ phần sở hữu của cổ đông và đại diện cổ đông tham dự có quyền biểu quyết là 6.501.613 cổ phần, chiếm tỷ lệ 67,73 % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ Công ty: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu đủ điều kiện tiến hành.

PHẦN 2: THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI, QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI, GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỌA, BAN THƯ KÝ, BAN KIỂM PHIẾU VÀ PHÁT BIỂU KHAI MẠC

1. Ban tổ chức thực hiện thủ tục thông qua Đoàn Chủ tọa và được Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Đoàn Chủ tọa gồm có:

- | | | |
|---------------------------|------------------------|-----------------|
| - Ông Lê Hữu Chí | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tịch đoàn |
| - Ông Trần Thái Hưng Long | - TV.HĐQT/TGĐ | - Thành viên |
| - Ông Võ Cao Phong | - Trưởng Ban kiểm soát | - Thành viên |

2. Ban tổ chức thực hiện thủ tục thông qua Ban Thư ký và được Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Ban Thư ký gồm có:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| - Bà Đặng Thị Bích Ngọc | - Trưởng Ban |
| - Bà Nguyễn Thị Hiền | - Thành viên |

3. Ban tổ chức thực hiện thủ tục thông qua Ban Kiểm phiếu và được Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Ban kiểm phiếu gồm có:

- | | |
|----------------------------|--------------|
| - Ông Đặng Trần Hồng Quân | - Trưởng Ban |
| - Bà Nguyễn Trần Hạnh Đoàn | - Thành viên |
| - Bà Lê Thị Thanh Tuyền | - Thành viên |

4. Chương trình đại hội đã được đọc trước ĐHĐCĐ và được Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

5. Ban tổ chức thực hiện thủ tục thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 và được Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

6. Ông Lê Hữu Chí – Chủ tịch Đoàn thay mặt Đoàn Chủ tọa phát biểu khai mạc Đại hội.

PHẦN 3: NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

I. Nội dung:

1. Ông Võ Cao Phong – Trưởng Ban kiểm soát trình bày:
 - Tờ trình V/v: thay đổi ngành nghề kinh doanh, Sửa đổi Điều lệ Công ty
 - Tờ trình V/v: miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
 - Tờ trình V/v: kế hoạch kinh doanh năm 2025
2. Ban tổ chức thực hiện thủ tục thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 và được Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

3. Ban tổ chức thực hiện thủ tục thông qua Danh sách ứng viên ứng cử/đề cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 và được Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

II. Ý kiến của cổ đông tham dự họp

Ông Phan Trung Hòa (đại diện ủy quyền của Cổ đông Nguyễn Thị Thanh Hương – Mã số cổ đông: 549) có câu hỏi như sau:

1. Giá cổ phiếu có thể xem ở đâu?
2. Khi muốn mua thêm hay bán bớt cổ phiếu thì cách làm như thế nào?

Ông Võ Cao Phong thay mặt Đoàn chủ tọa trả lời câu hỏi của cổ đông như sau:

1. Giá cổ phiếu có thể xem trên: Bảng điện tử HOSE, HNX tại sàn giao dịch chứng khoán; online qua App HSC ONE
2. Muốn mua thêm hay bán bớt cổ phiếu thì giao dịch tại sàn chứng khoán; đăng ký giao dịch qua các App mua bán chứng khoán.

III. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các tờ trình theo chương trình đại hội

- * Số phiếu phát ra: 11 phiếu, đại diện cho 6.501.613 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- * Số phiếu thu vào: 11 phiếu, đại diện cho 6.501.613 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- * Số phiếu hợp lệ: 11 phiếu, đại diện cho 6.501.613 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- * Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.

1. Tờ trình V/v: thay đổi ngành nghề kinh doanh, Sửa đổi Điều lệ Công ty

- Số phiếu tán thành: 11/11 phiếu, tương ứng với 6.501.613 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

2. Tờ trình V/v: miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

- Số phiếu tán thành: 11/11 phiếu, tương ứng với 6.501.613 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

3. Tờ trình V/v: kế hoạch kinh doanh năm 2025

- Số phiếu tán thành: 11/11 phiếu, tương ứng với 6.501.613 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

7550
NG T
PHÂN
VÀ D
KH
TÁ
R

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

IV. Kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026

- * Số phiếu phát ra: 11 phiếu, tương ứng tổng số phiếu bầu 6.501.613 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%.
- * Số phiếu thu vào: 11 phiếu, tương ứng tổng số phiếu bầu 6.501.613 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%.
- * Số phiếu hợp lệ: 11 phiếu, tương ứng tổng số phiếu bầu 6.501.613 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%.
- * Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu được bầu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Hoàng Nam	6.501.613	100%

Với kết quả trên, ông Nguyễn Hoàng Nam trúng cử làm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu nhiệm kỳ 2021 – 2026.

PHẦN 4: THÔNG QUA BIÊN BẢN ĐẠI HỘI, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Đặng Thị Bích Ngọc thay mặt Ban thư ký đọc toàn văn nội dung biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

2. Bà Đặng Thị Bích Ngọc thay mặt Ban thư ký đọc toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

3. Ông Lê Hữu Chí – Chủ tịch đoàn thay mặt Đoàn chủ tọa, Ban tổ chức cảm ơn Quý đại biểu đã tham dự và tuyên bố bế mạc đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 10 giờ 10 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đặng Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Hiền



CHỦ TỌA

Lê Hữu Chí



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty CP TM Và DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 23/04/2022;
- Việc kiểm tra tư cách cổ đông và danh sách cổ đông chốt ngày 23/10/2024 của Công ty Cổ phần TM Và DV Dầu Khí Vũng Tàu;

Hôm nay, ngày 29/11/2024 tại Lầu 7, tòa nhà Pacific Petro, 677A Lê Văn Việt, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Ban kiểm tra tư cách Cổ đông Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024 của Công Ty Cổ phần Thương mại Và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu gồm:

1. Ông Đặng Trần Hồng Quân – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2. Bà Nguyễn Trần Hạnh Đoan – Thành viên
3. Bà Lê Thị Thanh Tuyền – Thành viên

Đã thực hiện công tác kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu. Kết quả như sau:

- Tổng số cổ đông của công ty: 1.248 cổ đông gồm cả cổ đông tổ chức và cá nhân, tương ứng với 9.600.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội hợp lệ là 11 cổ đông tương ứng với 6.501.613 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 67,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội không hợp lệ là 0 cổ đông tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo điều 145 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu đủ điều kiện tiến hành.

Biên bản này được thành lập vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 29/11/2024, Biên bản được đọc trước toàn thể đại hội và được 100% cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội đồng ý với Nội dung Biên bản. Biên bản là căn cứ để ĐHCĐ ra nghị quyết:

TRƯỞNG BAN


Đặng Trần Hồng Quân



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG
MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ
VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
THÔNG QUA CÁC TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024

Thời gian: ngày 29 tháng 11 năm 2024

Địa điểm: Lầu 7, Tòa nhà Pacific Petro, 677A Lê Văn Việt, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

I. Thành phần Ban kiểm phiếu:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| 1. Ông Đặng Trần Hồng Quân | Trưởng ban kiểm phiếu |
| 2. Bà Lê Thị Thanh Tuyền | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Trần Hạnh Đoàn | Thành viên |

II. Kết quả kiểm phiếu:

Đại hội đồng cổ đông đã nghe các tờ trình và biểu quyết 03 vấn đề theo chương trình Đại hội. Thành phần Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề và công bố kết quả kiểm phiếu như sau:

1. Tờ trình v/v thay đổi ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ Công ty

Phiếu	Số lượng	Số cổ phần tương ứng	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp
Phiếu phát ra	11	6.501.613	100%
Phiếu thu vào	11	6.501.613	100%
Phiếu hợp lệ	11	6.501.613	100%
Phiếu không hợp lệ	0		

Kết quả biểu quyết:

	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	11	0	0
Số cổ phần tương ứng	6.501.613	0	0
Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp	100%	0%	0%

2. Tờ trình v/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

Phiếu	Số lượng	Số cổ phần tương ứng	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp
Phiếu phát ra	11	6.501.613	100%
Phiếu thu vào	11	6.501.613	100%
Phiếu hợp lệ	11	6.501.613	100%
Phiếu không hợp lệ	0		

Kết quả biểu quyết:

	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	11	0	0
Số cổ phần tương ứng	6.501.613	0	0
Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp	100%	0%	0%

3. Tờ trình v/v kế hoạch kinh doanh năm 2025

Phiếu	Số lượng	Số cổ phần tương ứng	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp
Phiếu phát ra	11	6.501.613	100%
Phiếu thu vào	11	6.501.613	100%
Phiếu hợp lệ	11	6.501.613	100%
Phiếu không hợp lệ	0		

Kết quả biểu quyết:

	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số phiếu	11	0	0
Số cổ phần tương ứng	6.501.613	0	0
Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp	100%	0%	0%

Biên bản được lập thành 02 bản vào lúc 09 giờ 35 phút, ngày 29 tháng 11 năm 2024, và thông qua trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU





Lê Thị Thanh Tuyền Nguyễn Trần Hạnh Doan

Đặng Trần Hồng Quân



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm: Lầu 7, Tòa nhà Pacific Petro, 677A Lê Văn Việt, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

1. Ông Đặng Trần Hồng Quân	Trưởng ban kiểm phiếu
2. Bà Lê Thị Thanh Tuyền	Thành viên
3. Bà Nguyễn Trần Hạnh Đoàn	Thành viên

Thành viên Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026. Thay mặt cho Ban kiểm phiếu, tôi xin công bố kết quả như sau:

- Tổng số cổ đông/dại diện cổ đông tham gia dự họp: 11 cổ đông, nắm giữ 6.501.613 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số cổ đông/dại diện cổ đông tham gia bầu cử: 11 cổ đông, tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bầu cử so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu) 100%.

Phiếu bầu cử	Số lượng (phiếu)	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ / Tổng số phiếu bầu (%)
Phát ra	11	6.501.613	100%
Thu về	11	6.501.613	100%
Hợp lệ	11	6.501.613	100%
Không hợp lệ			

Danh sách ứng viên tham gia ứng cử/đề cử vào Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua là:

STT	HỌ VÀ TÊN
1	Ông Nguyễn Hoàng Nam

B. Kết quả kiểm phiếu như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu đạt được	Tỷ lệ/Tổng số phiếu bầu (%)
1	Ông Nguyễn Hoàng Nam	6.501.613	100%

Với kết quả kiểm phiếu như trên, **Ông Nguyễn Hoàng Nam** trúng cử làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

Trên đây là kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.

Biên bản được lập thành 02 bản vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 11 năm 2024, và thông qua trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Lê Thị Thanh Tuyền



Nguyễn Trần Hạnh Đoàn

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Đặng Trần Hồng Quân





CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

Số: 11/TTr-HĐQT/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 02 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

"V/v: Thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu"

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 23/04/2022;
- Điều kiện làm việc của HĐQT và BKS.

Để Đại hội bắt đầu tiến hành, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu kính trình Đại hội thông qua nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

I. ĐOÀN CHỦ TỌA

- | | | |
|----------------------------|-------------------------|-----------------|
| 1. Ông Lê Hữu Chí | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tịch Đoàn |
| 2. Ông Trần Thái Hưng Long | - TV.HĐQT/Tổng giám đốc | - Thành viên |
| 3. Ông Võ Cao Phong | - Trưởng Ban kiểm soát | - Thành viên |

II. BAN THƯ KÝ

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Bà Đặng Thị Bích Ngọc | - Trưởng Ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Hiền | - Thành viên |

III. BAN KIỂM PHIẾU

- | | |
|-----------------------------|--------------|
| 1. Ông Đặng Trần Hồng Quân | - Trưởng Ban |
| 2. Bà Nguyễn Trần Hạnh Đoàn | - Thành viên |
| 3. Bà Lê Thị Thanh Tuyền | - Thành viên |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu HĐQT.



Lê Hữu Chí



CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/TTr-HĐQT/2024

TP. HCM, ngày 02 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

“V/v: Thay đổi ngành nghề kinh doanh, Sửa đổi Điều lệ Công ty”

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 23/04/2022;
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung thay đổi ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty để phù hợp với tình hình thực tế của công ty như sau:

I. THAY ĐỔI NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG); Kinh doanh xăng dầu	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG)	4661

2. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2	Cho thuê xe có động cơ	7710
3	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
4	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

3. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đăng ký	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
2	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm	1079
3	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến hải sản xuất khẩu; (Doanh nghiệp không được chế biến trong khu dân cư, chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	1020
4	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Chế biến nông sản xuất khẩu;	1061
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ thực phẩm; Kinh doanh nguyên vật liệu phục vụ ngành in; Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đo lường và kiểm tra chất lượng các thiết bị dầu khí và chiết nạp gas;	4669
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật và cung ứng vật tư hóa phẩm, thiết bị phụ tùng, thực phẩm và vật dụng khác cho các công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác chế biến dầu khí;	5229
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ xây dựng; Kinh doanh đồ điện gia dụng; Kinh doanh phương tiện vận tải;	4659
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Kinh doanh sắt thép, ống thép, thép phôi, sắt thép xây dựng;	4662
9	Phá dỡ	4311
10	Chuẩn bị mặt bằng	4312
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12	Khai thác gỗ Chi tiết: Chế biến lâm sản xuất khẩu;	0220
13	Xây dựng nhà để ở	4101
14	Xây dựng nhà không để ở	4102
15	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4212
16	Xây dựng công trình công ích khác	4229

II. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 4: “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” của Điều lệ Công ty (toàn văn dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm).

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu HĐQT.





CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

Số: 13/Tr-HDQT/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 02 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

“V/v: miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát”

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 23/04/2022 ;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021;
- Căn cứ đơn xin từ nhiệm của bà Lương Thị Ngọc Bích – thành viên Ban kiểm soát Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu.

Để đảm bảo tuân thủ đúng quy định về số lượng thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát như sau:

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với bà Lương Thị Ngọc Bích
2. Bầu bổ sung 01 thành viên BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 - 2026

Việc bầu bổ sung thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế bầu cử của ĐHCĐ bất thường năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HDQT



Lê Hữu Chí



CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 29 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024

Căn cứ:

- Thông báo về việc “Tham gia ứng cử, đề cử bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026”;
- Dự thảo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024;
- Hồ sơ ứng cử/đề cử của ứng viên gửi về Công ty.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông danh sách ứng viên đủ điều kiện tham gia ứng cử/đề cử vào Ban kiểm soát Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Số căn cước công dân	Địa chỉ thường trú	Trình độ học vấn
01	Nguyễn Hoàng Nam	25/12/1995	074095007596	256B, KP Bình Thung 1, P. Bình An, TP. Dĩ An, T. Bình Dương	Đại học

Kính trình Đại hội cho ý kiến thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Hữu Chí



CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

.....***.....
Số: 15/Tr-HDQT/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....***.....
TP. HCM, ngày 05 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

"V/v: kế hoạch kinh doanh năm 2025"

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 23/04/2022;
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

- Sản lượng: 17.500 tấn
- Lợi nhuận: tối thiểu 5% vốn điều lệ (tương đương 4,8 tỷ đồng)

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu HDQT.



Lê Hữu Chí



TP.HCM, ngày 02 tháng 11 năm 2024

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu.
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1 : Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường của Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2 : Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu và khách mời tham dự ĐHĐCĐ bất thường Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu.

Điều 3 : Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ/Đại hội : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

Điều 4 : Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền tham dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách Cổ đông để triệu tập họp ĐHĐCĐ.
- Trường hợp không có đủ số lượng Đại biểu cần thiết để tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất, cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai này chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Đại biểu cần thiết, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 5 : Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024

- Các Cổ đông của Công ty theo danh sách của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 23/10/2024 có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Điều 6 : Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7 : Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng.
- Cổ đông hoặc người uỷ quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - + Thư mời họp;
 - + Giấy căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
 - + Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự Đại hội): Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì giấy uỷ quyền phải được ký bởi Cổ đông đó. Trường hợp Cổ đông là tổ chức thì giấy uỷ quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.
- Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách Cổ đông, Cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết (ghi họ tên Cổ đông, mã số Cổ đông và số cổ phần sở hữu).

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi cổ đông đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có Đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất Đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 8 : Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Cụ thể như sau:
 - + Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
 - + Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - + Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.
 - + Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc Công ty trình bày các nội dung tại Đại hội.
 - + Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết.
 - + Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.
 - + Giới thiệu thành phần Ban thư ký để Đại hội biểu quyết. Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội.
 - + Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
 - + Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại Hội.
 - + Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
 - + Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 9 : Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội do Chủ tọa giới thiệu gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
- Nhiệm vụ:
 - + Đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự họp theo danh sách đã chốt tại thời điểm ngày 23/10/2024.
 - + Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
 - + Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 10 : Ban Thư ký Đại hội:

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
- Nhiệm vụ:
 - + Tiếp nhận, rà soát “phiếu câu hỏi” đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
 - + Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
 - + Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 11 : Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.
- Nhiệm vụ:
 - + Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - + Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
 - + Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - + Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 12 : Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.
- Đại biểu nào có ý kiến thì ghi vào “Phiếu câu hỏi” chuyển đến Ban Thư ký, Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

- Trong thời gian tiến hành Đại hội, các Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở “Phiếu câu hỏi” của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu.
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản sau.

Điều 12. Thẻ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc

Có hai (02) hình thức biểu quyết tại Đại hội

a. Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết

- Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Thành phần Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các trường hợp khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác về một vấn đề được đưa ra để biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết.
- Thẻ biểu quyết in trên giấy A4 có thông tin: Họ và tên cổ đông, mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu.
- Thẻ biểu quyết có đóng dấu mộc đỏ của CTCP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.

b. Biểu quyết bằng hình thức bỏ Phiếu biểu quyết:

- Hình thức này được dùng để thông qua:
 - + Tờ trình V/v: thay đổi ngành nghề kinh doanh, Sửa đổi Điều lệ Công ty
 - + Tờ trình V/v: miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
 - + Tờ trình V/v: kế hoạch kinh doanh năm 2025
- Đối với nội dung trên: Tổng số phiếu biểu quyết cho mỗi Tờ trình của mỗi Cổ đông bằng (=) Tổng số cổ phần sở hữu của Cổ đông.
- Hình thức Phiếu biểu quyết:
 - + Phiếu biểu quyết được in trên giấy A4.
 - + Phiếu có các thông tin: tên Cổ đông, mã số Cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu/đại diện.
 - + Phiếu có bảng kê các nội dung cần biểu quyết thông qua, các ô để Đại biểu biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến;
 - + Xác nhận của Cổ đông/ Đại diện Cổ đông.
 - + Phiếu biểu quyết có đóng dấu mộc đỏ của CTCP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.
- Phương thức nộp Phiếu biểu quyết: Mỗi Đại biểu được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến với từng vấn đề. Đại biểu sẽ đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô lựa chọn. Sau khi Đại

biểu điền phiếu biểu quyết, Phiếu biểu quyết sẽ được bỏ vào Thùng phiếu hoặc Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành thu Phiếu tại Đại hội.

c. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Phiếu có hình thức giống như mô tả giống như ở phần “Hình thức phiếu biểu quyết”;
- Phiếu chỉ chọn 01 (một) trong 03 (ba) ô: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến;
- Có chữ ký, ghi rõ họ tên của Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của Cổ đông.

d. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát hành;
- Phiếu không có chữ ký của Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của Cổ đông;
- Phiếu biểu quyết để trống cả 03 (ba) ô hoặc chọn vào 02 (hai) hoặc 03 (ba) ô: “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”, hoặc Phiếu không xác định được nội dung mà Đại biểu biểu quyết;
- Phiếu tẩy, xóa, sửa chữa các ký hiệu điền trong ô;
- Phiếu điền hoặc viết vẽ ngoài ô theo quy định;
- Phiếu tách rời không còn nguyên vẹn.

Cổ đông không được quyền yêu cầu thay đổi hay lấy phiếu ra khi phiếu biểu quyết đã được bỏ vào thùng phiếu

2. Thể lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 23/10/2024) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 9.600.000 cổ phần tương đương với 9.600.000 quyền biểu quyết.
- Mỗi quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 32 Điều lệ Công ty.
- Các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty được thông qua nếu số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Lưu ý:
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết

đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

3. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Biểu kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế tổ chức này có hiệu lực thi hành ngay khi Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu biểu quyết thông qua. Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu kết thúc.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc tại Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu. Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ HỮU CHÍ





TP.HCM, ngày 02 tháng 11 năm 2024

QUY CHẾ BẦU CỬ
BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021-2026
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 23/04/2022;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 với các nội dung sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu
- BKS: Ban kiểm soát
- BTC: Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu: Cổ đông/người đại diện (được ủy quyền)

II. Chủ tọa Đại hội:

- Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử bao gồm những công việc cụ thể sau:
- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Số lượng thành viên BKS được bầu, tiêu chuẩn và điều kiện làm BKS, điều kiện ứng cử/đề cử

1. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu bổ sung

- Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung thay thế: 01 thành viên
- Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu bổ sung thay thế: thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm BKS

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:



- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Điều kiện ứng cử/đề cử thành viên BKS

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử/ứng cử thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

IV. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách người sở hữu chứng khoán VMG chốt tại ngày 23/10/2024).

V. Phương thức bầu cử:

- Việc bầu cử bổ sung thành viên BKS được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều 148 của Luật Doanh nghiệp và Điều 32 của Điều lệ Công ty.
- Mỗi Đại biểu có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân với số thành viên BKS cần bầu bổ sung.
- Đại biểu có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Đại biểu được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

VI. Thủ tục và hình thức tiến hành bầu cử

1. Phiếu bầu cử: (theo mẫu)

1.1. Hình thức phiếu bầu cử:

Phiếu bầu BKS có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.

1.2. Nội dung phiếu bầu cử:

- Phần 1: Tên cổ đông, Mã số cổ đông, Tổng số cổ phần sở hữu, Tổng số phiếu bầu.
- Phần 2: Danh sách ứng viên: STT, Họ và tên, Số phiếu bầu.
- Xác nhận của Cổ đông/ Đại diện Cổ đông
- Hướng dẫn

1.3. Cách ghi phiếu bầu cử:

350X
CỔ
CỔ
TNG
DÀ
VUI
AU

- Đại biểu được phát phiếu bầu cử. Trường hợp ghi sai, đại biểu đề nghị Ban kiểm phiếu đổi lại Phiếu bầu khác và nộp lại Phiếu ghi sai.
- Đại biểu phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền bầu cử.

1.4. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Công ty phát hành, không có dấu treo của Công ty.
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu ghi thêm những thông tin khác
- Phiếu không còn nguyên vẹn.
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

2. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

2.1 Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Hướng dẫn Đại biểu cách ghi phiếu;
 - + Tiến hành kiểm phiếu;
 - + Lập biên bản kiểm phiếu
 - + Công bố kết quả trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS.

2.2 Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu, hoặc khi hết thời gian quy định bỏ phiếu (15 phút);
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

3. Nguyên tắc trúng cử thành viên BKS:

- Ứng cử viên trúng cử vào BKS là ứng cử viên có số phiếu bầu hợp lệ cao nhất.
- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần VMG hơn tính từ thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 22/03/2024 sẽ được chọn.

4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu); số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào BKS.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

5. Khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội Cổ đông bất thường năm 2024.

VII. Hiệu lực thi hành

- Quy chế bầu cử này có hiệu lực ngay khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội Cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu kết thúc.
- Trên đây là toàn bộ Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024. Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LÊ HỮU CHÍ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
DẦU KHÍ VŨNG TÀU



TP. Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG I	6
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	6
CHƯƠNG II	7
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
CHƯƠNG IV	9
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần và cơ cấu cổ phần	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần	10
CHƯƠNG V	11
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
CHƯƠNG VI	11
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông	11
Điều 13. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức	13

Điều 14. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại	14
Điều 15. Chào bán cổ phần.....	14
Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 17. Chào bán trái phiếu	15
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông	16
Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	16
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	17
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	17
Điều 22. Trả cổ tức	18
Điều 23. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức	19
Điều 24. Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 26. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 27. Thay đổi các quyền	23
Điều 28. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 29. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 30. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 32. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	28
Điều 33. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	32
CHƯƠNG VII.....	33
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	34

Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị	37
Điều 41. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	38
Điều 42. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	41
Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty	42
CHƯƠNG VIII	42
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	42
Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý.....	42
Điều 45. Người điều hành doanh nghiệp	43
Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	43
Điều 47. Thư ký Công ty	44
Điều 48. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	45
CHƯƠNG IX	45
BAN KIỂM SOÁT.....	45
Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	45
Điều 50. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	46
Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát	46
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	46
Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	48
Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	48
CHƯƠNG X.....	49
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	49
Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng	49
Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	49
Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	50
CHƯƠNG XI	51
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	51
Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	51
CHƯƠNG XII.....	51

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	51
Điều 59. Công nhân viên và công đoàn.....	51
CHƯƠNG XIII	52
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	52
Điều 60. Phân phối lợi nhuận	52
CHƯƠNG XIV	52
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	52
Điều 61. Tài khoản ngân hàng.....	52
Điều 62. Năm tài chính.....	53
Điều 63. Chế độ kế toán	53
CHƯƠNG XV	53
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	53
Điều 64. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	53
Điều 65. Báo cáo thường niên	53
CHƯƠNG XVI	54
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	54
Điều 66. Kiểm toán.....	54
CHƯƠNG XVII.....	54
CON DẤU	54
Điều 67. Dấu của doanh nghiệp.....	54
CHƯƠNG XVIII	54
GIẢI THỂ CÔNG TY.....	54
Điều 68. Giải thể công ty.....	54
Điều 69. Gia hạn hoạt động	55
Điều 70. Thanh lý.....	55
CHƯƠNG XIX	55
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	55
Điều 71. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	55
CHƯƠNG XX.....	56

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	56
Điều 72. Điều lệ công ty	56
CHƯƠNG XXI	56
NGÀY HIỆU LỰC	56
Điều 73. Ngày hiệu lực.....	56

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số:
02/2024/NQ-ĐHĐCD ngày 29 tháng 11 năm 2024

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. Công ty là Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu;
 - b. Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
 - e. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
 - f. Nghị định 155 là Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - g. Việt Nam là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - h. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - i. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - j. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - k. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - m. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU**
- Tên tiếng Anh : **VUNG TAU PETROLEUM TRADING AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt : **VIMEXCO GAS**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở : 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, TP. Vũng Tàu.
- Điện thoại : 0254 3512572
- Fax : 0254 3512571
- Email : contact@vimexcogas.com.vn
- Website : <http://www.vimexcogas.com.vn/>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 68, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG)	4661
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ khách sạn và du lịch	5510
3	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Tổ chức sửa chữa chống ăn mòn giàn khoan biển và phương tiện nổi dầu khí;	3312
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; Giám định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá; Kiểm định phương tiện đo lường	7120
5	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hoá lỏng khí đốt; Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt	2512
6	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì bình gas, bồn gas	3319
7	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Xi mạ, sơn bình gas (không hoạt động tại trụ sở)	2592
8	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vỏ bình gas (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)	2599
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Cho thuê xe có động cơ	7710
11	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

Và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

- Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công

ấn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần và cơ cấu cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 96.000.00.000 đồng (*Chín mươi sáu tỷ đồng*).
Tổng vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.600.000 cổ phần (*chín triệu sáu trăm ngàn cổ phần*).
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 18 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 18 Điều lệ này.
5. Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và các đối tượng với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) và pháp luật về chứng khoán, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Trong trường hợp này, cổ đông chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại cổ phiếu này cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất ngân hàng TMCP vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức bỏ phiếu trực tuyến hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp cổ phiếu đang trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định về chào

- bán hoặc phát hành thêm cổ phiếu hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty chào bán thêm các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
4. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức

- 1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
- 2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền sau đây:
 - a. Nhận cổ tức theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - c. Quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
- 3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
- 4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cổ tức dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cổ tức trở lên tán

thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cổ tức sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cổ tức trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 14. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại

1. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có quyền như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.
4. Cổ phần ưu đãi hoàn lại có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi hoàn lại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi hoàn lại trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi hoàn lại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi hoàn lại trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 15. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây: chào bán cho các cổ đông hiện hữu, chào bán ra công chúng và chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Việc chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

- c. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 17. Chào bán trái phiếu

1. Chào bán trái phiếu riêng lẻ và chào bán trái phiếu ra công chúng của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền riêng lẻ nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.
4. Phương án chào bán trái phiếu ra công chúng phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - a. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức gửi thư báo phát để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty;
 - b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng

mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 22. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản theo các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo các quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức gửi thư báo phát để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận; thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được thực hiện theo quy định về pháp luật chứng khoán. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 23. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 22 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp

Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn, ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 18 Điều lệ này.
Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 27. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 28, 29 và 30 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 28. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức **gửi thư báo phát** để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 29. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 30. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì thành viên ban kiểm phiếu không được đồng thời là ứng cử viên những chức danh này.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến tại Đại hội. Việc biểu quyết được thực hiện thông qua thẻ biểu quyết (số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định) và/hoặc phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội
12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định 155.

Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. Việc chào bán hoặc/và phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 32. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Vấn đề khác theo quy định pháp luật .
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên cùng đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
 5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua.
 6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được cổ đông ưu đãi của cùng loại cổ phần cổ phần đó dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành tại cuộc họp hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty theo quy

định tại Điều 45 Điều lệ này. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm biên bản họp được thông qua.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 32 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có);

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo như sau:
 - a. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - b. Tối thiểu 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập trong trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa 05 (năm) công ty khác.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - l. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông.
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất

của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, đảm bảo có các nội dung sau:
- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ này.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu Công ty niêm yết cổ phiếu).
- e. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
- f. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.
- g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
- h. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp, phải được công bố chi tiết thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo thường niên của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

- c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
 10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản

trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, b và c khoản 7 Điều 56 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này

15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
16. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, chi tiết và rõ ràng, phải có họ tên và chữ ký của Chủ tọa, Thư ký, người ghi biên bản và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 42. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng

số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội

đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 45. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc, ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Chậm nhất ngày 20 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 47. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- 2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 48. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tổng Giám đốc được trả tiền lương và tiền thưởng. Tiền lương được tính căn cứ trên hợp đồng lao động được ký kết giữa Tổng Giám đốc và Công ty. Tiền thưởng căn cứ trên hiệu quả điều hành công việc. Tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Tổng Giám đốc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của mình có thể được trả thêm tiền lương, phụ cấp dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Tổng Giám đốc có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc

tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ 03 (ba) đến 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp.
4. Việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây :

1. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm soát chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
3. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
4. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
5. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Người quản lý Công ty;
6. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
7. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Người quản lý Công ty;
8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
 - f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị;
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát;
2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
- Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
- Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 59. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 60. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đã đến hạn phải trả và sau khi đã nộp vào các quỹ.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NẾM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 61. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 62. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 63. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 64. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 66 Điều lệ này và quy định khác của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 65. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 66. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

CON DẤU

Điều 67. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện thông tin về Tên công ty; Mã số công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo Quy chế làm việc của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 68. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động phải thông báo và thực hiện theo trình tự và thủ tục quy định tại Điều 207, 208, 209, 210, 211 và 212 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Điều 69. Gia hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, ngoại trừ việc chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 68 Điều lệ này.

Điều 70. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 71. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu được chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí trong quá trình tố tụng được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 72. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 73. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 73 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu biểu quyết thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, được sử dụng để đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền và lưu giữ tại Trụ sở của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

Chữ ký của

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Lê Hữu Chí